

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 02 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt Hà

Bà Lò Thị Hiêng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Thái N Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2026/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N; Nơi trường trú: Tổ dân phố 01, xã M, tỉnh Điện Biên; Nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã M, huyện M1, tỉnh Nam Định nay là Thôn H, phường T, tỉnh Ninh Bình. **Có mặt.**

* Bị đơn: Anh Vũ Mạnh T1; Nơi trường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 01, xã M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2025, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Vũ Mạnh T1 kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện M, nay là UBND xã M, tỉnh Điện Biên vào ngày 07/3/2019 trên tinh thần tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống

không hòa hợp, hiện vợ chồng đã sống ly thân, đến nay không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Vũ Yến V, sinh ngày 21/7/2019 và cháu Vũ Trúc L, sinh ngày 14/11/2020. Chị N có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung vì các cháu là con gái và còn nhỏ, luôn sống cạnh mẹ. Chị có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện chăm sóc các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về phía bị đơn:

Ngày 09/10/2025, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân khu vực 1 – Điện Biên đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn và các yêu cầu cụ thể của chị N cho anh T1 biết qua điện thoại. Do các văn bản tố tụng không thể tổng đạt trực tiếp nên Tòa án đã xác minh tại địa phương và biết hiện anh T1 đi làm ăn xa, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới ở đâu, cũng không rõ thời điểm trở về. Vì vậy, Tòa án đã T1 hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để đảm bảo quyền lợi của anh T1. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất và T1 hành niêm yết theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Vũ Mạnh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2025 sửa đổi bổ sung năm 2025, HĐXX T1 hành xét xử vắng mặt anh T1.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 9, **Điều 19**, Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81, 82, 83, 84, **110, 116, 117** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, **Điều 228**, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn với anh Vũ Mạnh T1.

+ Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Vũ Yến V, sinh ngày 21/7/2019 và cháu Vũ Trúc L, sinh ngày 14/11/2020 cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại tổ dân phố 01, thị trấn M, huyện M nay là xã M, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3] Về điều luật áp dụng: Chị N và anh T1 kết hôn vào ngày 07/3/2019 nên Tòa án sẽ áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng để giải quyết vụ án.

[4] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều 177/ BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, việc anh T1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72/BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 là do anh T1 đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử T1 hành xét xử vắng mặt anh T1.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Hồng N và anh Vũ Mạnh T1 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện M, nay là UBND xã M, tỉnh Điện Biên trên tinh thần tự nguyện nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân trên là hợp pháp.

Theo bản tự khai của chị N và đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND phường T, tỉnh Ninh Bình do chị N cung cấp cho thấy: Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên anh chị đã ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Tuy nhiên, anh T1 không có ý kiến trả lời, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt phiên tòa không có lý do. Điều này thể hiện sự không thiện chí trong việc hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, cũng như việc tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình của bị đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, để bảo đảm quyền lợi cho chị N và để giải phóng cho chị khỏi cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế hai anh chị đã sống ly thân nên đã vi phạm Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ của vợ chồng trong việc duy trì sống chung với nhau, duy trì sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn với anh T1.

[5.2] Về con chung:

Anh chị có hai con chung là cháu Vũ Yến V, sinh ngày 21/07/2019 và cháu Vũ Trúc L, sinh ngày 14/11/2020. Xét nguyện vọng của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là chính đáng vì các cháu đều là con gái, hiện còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc, quan tâm thường xuyên của người mẹ. Mặt khác, tại đơn xác nhận điều kiện kinh tế do chị N cung cấp, có xác nhận của UBND phường T thể hiện chị N có công việc, thu nhập ổn định nên sẽ đảm bảo điều kiện kinh tế trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. Do đó, căn cứ vào Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của chị N: giao cháu Vũ Yến V, sinh ngày 21/07/2019 và cháu Vũ Trúc L, sinh ngày 14/11/2020 cho chị Nguyễn Hồng N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5.3] Về tài sản chung: Do chị N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5.4] Về nợ chung: Do chị N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 19, Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn với anh Vũ Mạnh T1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Hồng N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Yến V, sinh ngày 21/07/2019 và cháu Vũ Trúc L, sinh ngày 14/11/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000089 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/02/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1-ĐB;
- UBND xã M, tỉnh ĐB
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- THADS tỉnh ĐB;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà

